

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HẾT HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN 11
NĂM HỌC 2023-2024

I. Khung ma trận đề 100% tự luận- Lớp 11

T T	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc	Truyện ngắn hiện đại	3	3	1	1	60
		Thơ trữ tình					
		Truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm					
		Văn bản nghị luận					
		Bi kịch					
2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	1*	1*	1*	1*	40
		Viết văn bản nghị luận về một đoạn trích/tác phẩm truyện/tác phẩm thơ					
Tổng			25%	45%	20%	10%	100
Tỉ lệ chung			70%		30%		

Commented [A1]: 3 câu tự luận nhận biết = 1,5 điểm

Commented [A2]: 3 câu tự luận thông hiểu = 3,0 điểm

Commented [A3]: 1 câu tự luận vận dụng = 1,0 điểm

Commented [A4]: 1 câu tự luận vận dụng cao = 0,5 điểm

II. KIẾN THỨC CHUNG

1. Kiến thức về thể loại văn học

BÀI 1: CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ (Xem lại đề cương ôn tập giữa học kì 1)

BÀI 2: CÂU TỬ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH (Xem lại đề cương ôn tập giữa học kì 1)

BÀI 3: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Thể loại		Văn bản nghị luận
Các văn bản đã học		- <i>Cầu hiền chiếu</i> (Chiếu cầu hiền – Ngô Thì Nhậm) - <i>Tôi có một ước mơ</i> (Trích Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri (Montgomery), Mác-tin Lu-thơ Kinh –Martin Luther King) - <i>Một thời đại trong thi ca</i> (Trích Thi nhân Việt Nam – Hoài Thanh)
Đặc điểm thể loại	Cấu trúc của văn bản nghị luận	- Một văn bản nghị luận bao gồm nhiều thành tố: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng... được tổ chức thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất. - Là thành tố có tính chất bao trùm: luận đề có chức năng định hướng việc triển khai các luận điểm. Các luận điểm trong văn bản nghị luận, với sự thống nhất của lí lẽ và bằng chứng, có nhiệm vụ làm rõ từng khía cạnh và thể hiện tính nhất quán của luận đề. Mối quan hệ có tính bản chất giữa các thành tố như vậy tạo nên cấu trúc đặc thù của văn bản nghị luận .
	Yếu tố hỗ trợ trong văn bản nghị luận	Để tăng sức thuyết phục cho văn bản nghị luận, ngoài lí lẽ và bằng chứng, người viết còn có thể sử dụng một số yếu tố hỗ trợ như: thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm,...

		- Thuyết minh trong văn bản nghị luận có tác dụng giải thích, cung cấp những thông tin cơ bản xung quanh một vấn đề, khái niệm, đối tượng nào đó, làm cho việc luận bàn trở nên xác thực. - Miêu tả được dùng để tái hiện rõ nét, sinh động hơn những đối tượng có liên quan. - Tự sự đảm nhiệm việc kể câu chuyện làm bằng chứng cho luận điểm mà người viết nêu lên. - Biểu cảm giúp người viết bộc lộ cảm xúc, tình cảm làm cho văn bản có thêm sức lôi cuốn, thuyết phục.
--	--	--

BÀI 4: TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH

Thể loại		Truyện thơ dân gian, thơ trữ tình
Các văn bản đã học		- <i>Lời tiễn dặn</i> (Trích Tiễn dặn người yêu – truyện thơ dân tộc Thái) - <i>Dương phụ hành</i> (Bài hành về người thiều phụ phương Tây – Cao Bá Quát) - <i>Thuyền và biển</i> (Xuân Quỳnh)
Đặc điểm thể loại	Truyện thơ	Truyện thơ thuộc loại hình tự sự, có cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể,... nhưng lại được thể hiện dưới hình thức thơ. - Dung lượng và đề tài: + Dung lượng tương đối lớn, + Bao quát nhiều sự kiện, con người, chi tiết cụ thể, sinh động của đời sống thường nhật. - Điều kiện tồn tại và phát triển: Truyện thơ hiện diện trong nhiều nền văn học, có lịch sử lâu đời, phát triển thành một số dòng riêng theo sự chi phối của các điều kiện văn hóa, xã hội cụ thể.
	Truyện thơ dân gian	- Lực lượng sáng tác: Tầng lớp bình dân hoặc các trí thức sống gần gũi với tầng lớp bình dân sáng tác; - Lưu hành: chủ yếu bằng con đường truyền miệng nhưng cũng có khi thông qua các văn bản viết. - Nguồn gốc đề tài của truyện thơ dân gian: Truyện thơ dân gian khai thác đề tài từ nhiều nguồn khác nhau như truyện cổ, sự tích tôn giáo hay những câu chuyện đời thường. - Đặc điểm: + Kế thừa truyền thống của dân ca với sự kết hợp hài hòa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình + Nội dung: Thể hiện được một cách sinh động đời sống hiện thực và những tình cảm, ước mơ, khát vọng của nhiều lớp người trong xã hội, nhất là những người lao động nghèo.

		+ Ngôn ngữ: giản dị, chất phác, giàu hình ảnh, gắn liền với cách tư duy hình ảnh rất đặc trưng của những người sống hòa đồng, gắn bó với đất đai, muông thú, cỏ cây,... - Điều kiện phát triển riêng biệt: Đặc biệt phát triển trong sinh hoạt văn hóa, văn học của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam. - Một số truyện thơ dân gian tiêu biểu: + Dân tộc Tày Nùng có: Nam Kim – Thị Đan; Trần Châu; Quảng Tân – Ngọc Lương; Kim Quế; Chuyện chim sáo; Vượt biển;... + Dân tộc Thái có: Tiễn dặn người yêu; Chàng Lú – nàng Ủa; Khăm Panh;... + Dân tộc Mường có: Út Lót – Hồ Liêu; Nàng Nga – Hai Mối; Nàng Ồm – chàng Bồng Hương;... + Dân tộc Mông có: Tiếng hát làm dâu; Nhàng Dợ - Chà Tăng;... + Dân tộc Chăm có: Hoàng tử Um Rup và cô gái chăn dê; Têva Munô;... + Dân tộc Khơ-me có: Si Thạch; Tum Tiêu;...
	Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình	- Đặc trưng cơ bản của thơ trữ tình: thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình. - Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình: + Biểu hiện: có bóng dáng của một câu chuyện, một sự kiện với những đường nét cốt yếu của nó. + Tác dụng: làm nền cho tiếng nói trữ tình, chịu sự chi phối của mạch cảm xúc mà tác giả triển khai. + Mức độ xuất hiện của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình: các câu chuyện thường chỉ được “kể” ở mức độ vừa đủ để cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ trọn vẹn.

BÀI 5: NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG BI KỊCH

Thể loại		Bi kịch
Các văn bản đã học		- <i>Sống, hay không sống – đó là vấn đề</i> (Trích Hăm-lét – Hamlet, Uy-li-am Sếch-xpia - William Shakespeare) - <i>Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài</i> (Trích Vũ Như Tô – Nguyễn Huy Tưởng)
Đặc điểm thể loại	Bi kịch	- Bi kịch là một thể loại thuộc về kịch. - Đặc điểm: + Bi kịch tập trung diễn tả những xung đột hệ trọng, đạt tới mức căng thẳng tột độ giữa những mong muốn, hành động cao đẹp, hào hùng của con người với những tình thế bi đát không thể đảo ngược của thực tại hay với những trở ngại tồn tại ngay trong bản tính con người. + Cốt truyện bi kịch: Được làm nên từ việc thắt nút, triển khai và giải quyết những xung đột; kết thúc bằng thảm cảnh hay bằng cái chết của một loạt nhân vật.

		+ Trong bi kịch, việc cái đẹp, cái hùng bị thất bại đã đưa đến nỗi đau khổ cùng cực. Song chính từ đó, bi kịch trở thành tiếng nói khẳng định sự bất tử của ý chí, khát vọng và chiến thắng tinh thần của con người trong cuộc đấu tranh chống lại những tình thế bi đát của thực tại và những yếu hèn của cá nhân con người.
	Nhân vật và xung đột trong bi kịch	- Nhân vật chính trong bi kịch: + Thường phải trải qua những trạng thái giằng xé, bế tắc, rơi vào những tình huống hết sức nặng nề và có kết thúc bi thảm. + Lời thoại thường căng thẳng, chất chứa biện luận, thể hiện suy tư trăn trở và ý chí của những nhân cách mạnh mẽ, không khuất phục. - Xung đột trong bi kịch: là những mâu thuẫn gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật với cái tất yếu vốn được thể hiện qua những thế lực cụ thể.
	Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch	- Theo dõi bi kịch, người tiếp nhận thấy như đang trải nghiệm những bế tắc trong cuộc sống cùng nhân vật. - Sau đó, thấy căm ghét cái đê tiện, giả dối; ngưỡng mộ, cảm phục cái cao cả; tâm hồn như được thanh lọc, trở nên hài hòa, thăng bằng hơn.

2. Kiến thức tiếng Việt

Nội dung thực hành	Khái niệm hay quy tắc cần nắm vững	Ý nghĩa của hoạt động thực hành
Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	- Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ âm thanh, được tiếp nhận bằng thính giác. - Ngôn ngữ viết là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết, được dùng trong sách báo, văn bản hành chính, thư từ,...	Nhận biết, phân tích được đặc điểm và ý nghĩa của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong các văn bản văn học.
Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường	Nắm vững những quy ước ngôn ngữ có tính chuẩn mực của Tiếng Việt, đồng thời biết thực hiện việc đổi chiều, so sánh các phương án sử dụng ngôn ngữ khác nhau.	- Tạo ra những kết hợp trái logic nhằm “lạ hóa” văn bản. - Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh đặc điểm đối tượng. - Cung cấp nét nghĩa mới nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ. - Bổ sung chức năng mới cho câu.
Lỗi thành phần câu và cách sửa	Câu thiếu chủ ngữ, vị ngữ, câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ, sắp xếp sai vị trí thành phần câu, thiếu vế câu.	Nhận biết được lỗi về thành phần câu và đưa ra được cách sửa.

3. Kiến thức viết

Kiểu bài	Yêu cầu của kiểu bài	Dàn ý
----------	----------------------	-------

1. Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)	- Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích) - Nêu được và phân tích một cách cụ thể, rõ ràng về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,...) - Nêu nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lý lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ. - Khẳng định giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích.	- Mở bài: + Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm nghệ thuật bạn sẽ phân tích. + Nêu khía cạnh trong nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ tập trung làm rõ. - Thân bài: Căn cứ vào việc xác định các yếu tố làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện mà bạn chọn phân tích, triển khai bài viết thành các luận điểm tương ứng. Khi phân tích các yếu tố này, có thể đi theo các trình tự: + Bước 1: miêu tả yếu tố đó, + Bước 2: chỉ ra chức năng, vai trò của nó; + Bước 3: đánh giá hiệu quả của nó,... - Kết bài: Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện.
2. Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm)	- Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, vị trí của bài thơ; lý do lựa chọn bài thơ;...). - Xác định rõ trọng tâm vấn đề được bàn luận trong bài viết (cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến hệ thống hình ảnh). - Xem xét vấn đề một cách toàn diện theo từng khía cạnh cụ thể với những lý lẽ, bằng chứng xác đáng. - Đánh giá được nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ cũng như giá trị của chúng trong việc thể hiện những	- Mở bài: Giới thiệu chung về bài thơ và xác định vấn đề sẽ được tập trung bàn luận trong bài viết. - Thân bài: Cần triển khai các ý: + Cảm giác chung mà cấu tứ cùng những hình ảnh và cách diễn tả khác lạ trong bài thơ gợi cho người đọc. + Sự khác biệt của bài thơ này so với các bài thơ khác trên phương diện xây dựng hệ thống hình ảnh và tạo sự kết nối giữa các bộ phận cấu tạo trong bài thơ (thực hiện những so sánh cần thiết để chỉ ra được sự khác biệt). + Những khả năng hiểu (cắt nghĩa) khác nhau đối với một số yếu tố, hình ảnh trong bài thơ (cần nêu cụ thể).

	khám phá mới về con người và cuộc sống	+ Điều được làm sáng tỏ qua việc đọc thăm dò và thử nghiệm các cách đọc khác nhau với bài thơ. + Sự gợi mở về cách nhìn mới đối với thế giới và con người được đề xuất từ mạch ngầm văn bản bài thơ. - Kết bài: Khẳng định lại sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó đối với việc đem lại cách nhìn, cách đọc mới cho độc giả.
3. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh)	- Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh. - Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; - Sử dụng được các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, thích hợp, đầy đủ, sinh động. - Đưa ra được những ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận và có lí lẽ phản bác nhằm tăng sức thuyết phục cho bài viết; - Rút ra được ý nghĩa của vấn đề đối với bản thân.	- Mở bài: Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. Có thể nêu vấn đề thông qua một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi nhận thức,... - Thân bài: Cần triển khai các ý: + Trình bày bản chất của vấn đề đời sống được bàn luận và nêu quan điểm của người viết (lí lẽ và bằng chứng). + Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau và bàn về những khía cạnh của vấn đề viết (lí lẽ và bằng chứng). + Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều (lí lẽ và bằng chứng). + Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng (lí lẽ và bằng chứng). - Kết bài: Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động,...)
4. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)	- Nêu được vấn đề thực sự có ý nghĩa, hướng đến việc hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại. - Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, phù hợp với logic của vấn đề để bàn luận; sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, thích hợp, đầy đủ. - Nêu được ý kiến về vấn đề bàn luận từ một góc nhìn khác.	- Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận, hướng bàn luận và ý nghĩa chung của việc bàn luận về vấn đề (Có thể giới thiệu vấn đề theo cách trực tiếp hoặc theo cách gián tiếp nhưng không được dài dòng và cần giúp người đọc nắm rõ ngay từ đầu bài viết sẽ bàn luận về vấn đề gì). - Thân bài: + Miêu tả khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề.

	- Rút ra được ý nghĩa của việc bàn luận về vấn đề.	+ Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề theo trình tự từ hẹp đến rộng hoặc từ rộng đến hẹp với những lí lẽ và bằng chứng phù hợp. + Làm rõ sự cần thiết phải nhận thức đầy đủ về vấn đề. + Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề được bàn luận. + Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều. - Kết bài: Tóm tắt những luận điểm chính đã trình bày và khẳng định ý nghĩa của vấn đề trên cơ sở thu thập nhiều tư liệu và bằng chứng mới.
--	---	--

III. MỘT SỐ ĐỀ LUYỆN TẬP

Đề 1:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(1) Sau Tết Nguyên Đán một tháng là thời gian thích nhất ở rừng. Cây cối đều nhú lộc non. Rừng xanh ngắt và ẩm ướt. Thiên nhiên vừa trang trọng vừa tình cảm. Điều ấy một phần là do mưa xuân

(2) Khoảng thời gian này mà đi trong rừng, chân giẫm lên lớp lá ải mục, hít thở không khí trong lọc, thỉnh thoảng lại được thót mình bởi một giọt nước trên cây rỏ xuống vai trần thì thật tuyệt thú. Tất cả những trò nhỏ nhăng đê tiện vấp phải hàng ngày hoàn toàn có thể rũ sạch bởi một cú nhảy của con sóc nhỏ trên cành dâu da.

(3) Chính dịp đó ông Diều đi săn.

(4) Ý nghĩ đi săn này sinh khi thằng con học ở nước ngoài gửi về biếu ông khẩu súng hai nòng. Khẩu súng tuyệt vời, nhẹ bồng, hết như một thứ đồ chơi, thật nằm mơ cũng không thấy được. Ở tuổi sáu mươi, đi săn trong rừng vào một ngày xuân kẻ cũng đáng sống.

...

(5) Ông Diều thấy buồn tê tái đến tận đáy lòng. Ông nhìn cả hai con khi và thấy cay cay sống mũi. Hóa ra ở đời, trách nhiệm đè lên lưng mỗi sinh vật quả thật nặng nề. "Thôi tao phóng sinh cho mày." - Ông Diều ngồi yên một lát rồi bồng đứng dậy nhỏ bãi nước bọt dưới chân mình. Lường lự giây phút rồi ông vội vã bước đi. Hình như chỉ chờ có thế, con khi cái vọt ngay ra khỏi chỗ nấp, chạy vội đến con khi được nằm.

(6) Ông Diều rẽ sang một lối đi khác. Ông muốn tránh sẽ gặp người. Lối này đầy những bụi gai ngáng đường nhưng hoa tử huyệt nhiều không kể xiết. Ông Diều dừng lại sững sờ. Loài hoa tử huyệt cứ ba chục năm mới nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyệt sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng. Khi rừng kết muối, đấy là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc.

(Muối của rừng, Nguyễn Huy Thiệp, Tập truyện *Tình yêu, tội ác và trừng phạt*, NXB Trẻ, 2012)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Ở đoạn (1), vẻ đẹp của thiên nhiên hiện lên qua những hình ảnh nào?

Câu 3 (0,5 điểm). Chỉ ra 01 phép liên kết trong những câu văn sau: *Loài hoa tử huyền cứ ba chục năm mới nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn.*

Câu 4 (0,5 điểm). Tại sao ông Diêu lại nảy sinh ý nghĩ đi săn?

Câu 5 (1,0 điểm). Việc ông Diêu cầm súng đi săn gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

Câu 6 (1,0 điểm). Theo anh/chị chi tiết: *Ông Diêu thấy buồn tê tái đến tận đáy lòng. Ông nhìn cả hai con khi và thấy cay cay sống mũi* khắc họa tâm trạng của ông Diêu như thế nào?

Câu 7 (0,5 điểm). Hoa tử huyền nở trên đường ông Diêu đi về theo anh/chị mang ý nghĩa gì?

Câu 8 (0,5 điểm). Từ văn bản, anh/chị hãy nêu quan điểm của bản thân về cách con người nên ứng xử với thiên nhiên.

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/ chị hãy viết một bài nghị luận phân tích, đánh giá về một số nét đặc sắc nghệ thuật của đoạn truyện trong phần Đọc hiểu.

Đề 2:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

(Cho Ngọc Trâm)

*Con sốt thiêu con trên giàn lửa
Cha cũng có thể thành tro nữa
Thuốc đắng không chờ được rồi
Giữ tay con
Cha đỡ
Ngậm ngùi thả lòng chén vơi...*

*Con ơi! Tí tách sương rơi
Nhọc nhằn vắt qua đêm lạnh
Và những cánh hoa mỏng mảnh
Đưa hương phải nhờ rế cay.*

*Mồ hôi keo thành chai tay
Mùa xuân tràn vào chén đắng
Tuổi cha nước mắt lặng lặng
Sự thật khóc oà vu vơ.*

*Con đang ăn gì trong mơ
Cha để chén lên cửa sổ
Khi lớn bằng cha bây giờ
Đáy chén chắc còn bão tố.*

(Thuốc đắng, Mai Văn Phấn, in trong *Giọt nắng*, Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Hải Phòng xuất bản, 1992)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (0,5 điểm). Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ trên?

Câu 3 (0,5 điểm). Dòng thơ nào trong bài thơ thể hiện tâm trạng lo lắng người của người cha?

Câu 4 (1,0 điểm). Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ được sử dụng trong hai dòng thơ:

“Và những cánh hoa mỏng mảnh/ Đưa hương phải nhờ rế cay”?

Câu 5 (1,0 điểm). Nêu chủ đề của bài thơ?

Câu 6 (0,5 điểm). Nhận xét về nhân vật người cha trong bài thơ trên?

Câu 7 (0,5 điểm). Anh/chị rút ra được thông điệp gì sau khi đọc bài thơ trên?

Câu 8 (0,5 điểm). Từ nội dung của bài thơ, anh/chị có suy nghĩ gì về vai trò của thử thách trong cuộc sống?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích những tâm sự của người cha ở bài thơ trên.

Đề 3:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Hôm mai trong chốn thâm khuê,
Kẻ đường kim chỉ, người nghề bút nghiên.
Canh khuya bạn với sách đèn,
Mỏi lưng chàng mới tựa bên cạnh nàng.
Phải khi liếc mắt trông chàng,
Thấy râu mọc ngược ở ngang dưới cằm.
Vô tâm xui bỗng gia tâm,
Dao con sẵn đấy, mới cầm lên tay.
Vừa giờ sắp tiễn cho tày,
Giật mình chàng đã tỉnh ngay bấy giờ.
Ngán thay sửa dép ruộng đưa,
Dẫu ngay cho chết, cũng ngờ rằng gian.
Thất thần nào kịp hỏi han,
Một lời la lối rằng toan giết người,
Song thân nghe tiếng rụng rời,
Rằng: "Sao khuya khoắt mà lời gớm thay?"
Thưa rằng: "Giấc bướm vừa say,
"Dao con nàng bỗng cầm tay kẻ gần.
"Hai vai hộ có quý thân,
"Thực hư đôi lẽ xin phân cho tường."
Nàng vâng thưa hết mọi đường,
Rằng: "Từ gậy khúc loan hoàng đến nay
Án kia nâng để ngang mày,
Sạch trong một tiết, thảo ngay một bề.
Bờ chàng đèn sách mới mê,
Gối Ôn Công thừa giấc hòe thiu thiu.
Thấy râu mọc chút chẳng đều,

Cầm dao tiến để một chiều như nhau.
 Há rằng có phụ tình đâu
 Muốn trông xét đến tình đầu kéo oan.
 Thác đi phỏng lại sinh hoàn,
 "Thì đem lá phổi buồng gan giải bày".
 Cô, công rằng: "Bảo cho hay,
 Trộm hương, cắp phấn cũng đầy chan chan.
 Máy người một ngựa một an,
 Nay Trương, mai Lý thế gian hiểm gì?
 Ấy may mà tình ngay đi,
 Đinh-dinh-dinh nữa có khi còn đời.
 Sự này chớ lấy làm chơi",
 Sai người tức khắc đến mời Mãng Ông.
 Trách rằng: "Sự mới lạ lòng,
 Sinh con ai để sinh lòng ấy đâu?
 Sắt cầm bổng dờ dang nhau,
 Say đâu với đĩa trong đâu hẹn hò.
 Sông kia còn có kẻ dò,
 Lòng người ai dễ mà đo cho cùng."

(Trích Quan Âm Thị Kính, in trong *Tổng tập Văn học Việt Nam*,
 Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Nxb Khoa học Xã hội, H.2000)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định hai phương thức biểu đạt được sử dụng chủ yếu trong đoạn trích trên?

Câu 2 (0,5 điểm). Đoạn trích trên sử dụng điểm nhìn trần thuật ở ngôi thứ mấy?

Câu 3 (0,5 điểm). Hành động nào của Thị Kính dẫn đến việc nàng bị nghi oan tội giết chồng?

Câu 4 (1,0 điểm). Qua những lời thoại của người chồng của Thị Kính, bạn có nhận xét gì về tính cách của nhân vật này?

Câu 5 (0,5 điểm). Anh/chị hiểu như thế nào về thành ngữ “sửa đép ruộng dưa” được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 6 (1,0 điểm). Anh/chị có đồng tình với quan niệm được thể hiện trong hai câu thơ:

Sông kia còn có kẻ dò,
 Lòng người ai dễ mà đo cho cùng.

Câu 7 (0,5 điểm). Qua đoạn trích, tác giả dân gian gián tiếp bày tỏ thái độ gì đối với Thị Kính?

Câu 8 (điểm). Hãy bày tỏ cảm xúc của bạn trước nỗi oan mà Thị Kính phải gánh chịu. (Viết khoảng 5 – 7 dòng)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích đã cho ở phần Đọc hiểu.

Đề 4:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Nhân loại đang điên cuồng bóc lột trái đất: Chúng ta khoan vào trái đất trăm ngàn lỗ thủng, chúng ta làm ô nhiễm các dòng sông, đại dương và không khí, chúng ta tập trung lại một chỗ, dùng sắt thép và xi măng xây nên những công trình kiến trúc kỳ quái, đặt cho nó cái tên mỹ miều là “thành phố”, chúng ta ở trong những thành phố này thoả mái phóng túng những dục vọng của mình, tạo ra những thứ rác rưởi vĩnh viễn khó mà tiêu huỷ được.

So với người ở nông thôn, người thành thị là có tội, so với người nghèo, người giàu là có tội, so với nhân dân, quan chức là có tội, theo một ý nghĩa nào đó mà nói, quan càng to, tội càng lớn, vì quan càng cao, phạm vi cai quản càng rộng, dục vọng càng lớn, hao phí tài nguyên càng nhiều.

So với các quốc gia chưa phát triển, quốc gia phát triển là có tội, vì dục vọng của các nước phát triển còn lớn hơn, nước phát triển không chỉ làm hại trên lãnh thổ của mình, mà còn ảnh hưởng đến các nước khác, đến Hải phận Quốc tế, đến Bắc cực, Nam cực, lên mặt trăng, đi lên vũ trụ làm những việc có hại một cách mù quáng.

Địa cầu bốn bề lửa khói, toàn thân run rẩy, biển cả kêu gào, cát bụi bay khắp nơi, hạn hán lũ lụt, bệnh tật lan tràn... đều liên quan đến sự phát triển bệnh hoạn của khoa học kỹ thuật dưới sự kích thích bởi dục vọng tham lam của các nước phát triển [...]

Khi con người ở trong sa mạc, sẽ hiểu được nước và thực phẩm quý giá hơn vàng, bạc và kim cương rất nhiều. Khi gặp động đất và sóng thần, người ta sẽ hiểu, cho dù có bao nhiêu biệt thự hào hoa, khách sạn sang trọng, thì trong bàn tay vĩ đại của tự nhiên cũng chỉ là một đồng bùn đất. Khi con người huỷ hoại trái đất tới mức không còn phù hợp để sống được nữa, lúc đó, quốc gia nào, dân tộc nào, chính đảng hay cổ phiếu nào cũng trở nên vô nghĩa...

(Mạc Ngôn, Theo Sound Of Hope, Minh Tâm biên dịch)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản?

Câu 2 (0,5 điểm). Câu văn nào nói lên luận đề của văn bản?

Câu 3 (1,0 điểm). Đề tăng tính thuyết phục cho văn bản, tác giả đã sử dụng cách nào?

Câu 4 (0,5 điểm). Mục đích của tác giả ở bài viết trên là gì?

Câu 5 (1,0 điểm). Tác giả bộc lộ thái độ gì qua văn bản trên?

Câu 6 (0,5 điểm). Anh/chị rút ra được thông điệp gì cho bản thân sau khi đọc văn bản trên?

Câu 7 (1,0 điểm). Anh/chị có đồng tình với quan điểm của tác giả: “*Khi con người ở trong sa mạc, sẽ hiểu được nước và thực phẩm quý giá hơn vàng, bạc và kim cương rất nhiều*” không? Lí giải?

Câu 8 (1,0 điểm). Theo anh/chị, mỗi cá nhân cần làm gì để ngăn chặn tình trạng “*bóc lột trái đất*”? (Viết khoảng 5 – 7 dòng)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về vấn đề biến đổi khí hậu hiện nay.

Đề 5:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Lược dẫn: Trương Ba là một người làm vườn hiền lành, nho nhã, có tài đánh cờ, vì sự bất cần của Nam Tào mà phải chết. Đế Thích, một vị tiên cờ vốn thích chơi cờ với Trương Ba, đã cứu cho Trương Ba sống lại bằng cách nhập hồn Trương Ba vào xác anh hàng thịt mới qua đời. Trú

nhờ linh hồn trong thể xác hàng thịt, Trương Ba gặp rất nhiều phiền toái: lí trưởng sách nhiễu, chị hàng thịt đòi chồng, gia đình Trương Ba cũng cảm thấy xa lạ... mà bản thân Trương Ba thì đau khổ vì phải sống trái tự nhiên, giả tạo. Đặc biệt thân xác hàng thịt làm Trương Ba nhiễm một số thói xấu và nhưng nhu cầu vốn không phải của chính bản thân ông. Trước nguy cơ tha hóa về nhân cách và sự phiền toái do mượn thân xác của kẻ khác, Trương Ba quyết định trả lại xác cho hàng thịt và chấp nhận cái chết.

Hồn Trương Ba: (sau một lát) Ông Đế Thích ạ, tôi không thể tiếp tục mang thân anh hàng thịt được nữa, không thể được!

Đế Thích: Sao thế? Có gì không ổn đâu!

Hồn Trương Ba: Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn.

Đế Thích: Thế ông ngỡ tất cả mọi người đều được là mình toàn vẹn có ư? Ngay cả tôi đây. Ở bên ngoài, tôi đâu có được sống theo những điều tôi nghĩ bên trong. Mà cả Ngọc Hoàng nữa, chính người lắm khi cũng phải khuôn ép mình cho xứng với danh vị Ngọc Hoàng. Dưới đất, trên trời đều thế cả, nữa là ông. Ông đã bị gạch tên khỏi sổ Nam Tào. Thân thể thật của ông đã tan rữa trong bùn đất, còn chút hình thù gì của ông đâu!

Hồn Trương Ba: Sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác, đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!

[...]

Đế Thích: Ông Trương Ba... (đắn đo rất lâu rồi quyết định) Vì lòng quý mến ông, tôi sẽ làm cu Tị sống lại, dù có bị phạt nặng... Nhưng còn ông... rốt cuộc ông muốn nhập vào thân thể ai?

Hồn Trương Ba: (sau một hồi lâu): Tôi đã nghĩ kĩ... (nói chậm và khẽ) Tôi không nhập vào hình thù ai nữa! Tôi đã chết rồi, hãy để tôi chết hẳn!

Đế Thích: Không thể được! Việc ông phải chết chỉ là một lầm lẫn của quan thiên đình. Cái sai ấy đã được sửa bằng cách làm cho hồn ông được sống.

Hồn Trương Ba: Có những cái sai không thể sửa được. Chấp vả gượng ép chỉ càng làm sai thêm. Chỉ có cách là dừng bao giờ sai nữa, hoặc phải bù lại bằng một việc đúng khác. Việc đúng còn làm kịp bây giờ là làm cu Tị sống lại. Còn tôi, cứ để tôi chết hẳn...

Đế Thích: Không! Ông phải sống, dù với bất cứ giá nào...

Hồn Trương Ba: Không thể sống với bất cứ giá nào được, ông Đế Thích ạ! Có những cái giá đắt quá, không thể trả được... Lạ thật, từ lúc tôi có đủ can đảm đi đến quyết định này, tôi bỗng cảm thấy mình lại là Trương Ba thật, tâm hồn tôi lại trở lại thanh thản, trong sáng như xưa...

Đế Thích: Ông có biết ông quyết định điều gì không? Ông sẽ không còn lại một chút gì nữa, không được tham dự vào bất cứ nỗi vui buồn gì! Rồi đây, ngay cả sự ân hận về quyết định này, ông cũng không có được nữa.

Hồn Trương Ba: Tôi hiểu. Ông tưởng tôi không ham sống hay sao? Nhưng sống thế này, còn khổ hơn là cái chết. Mà không phải chỉ một mình tôi khổ! Những người thân của tôi sẽ còn phải khổ vì tôi.

(Lưu Quang Vũ, *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*, Ngữ văn 12, Tập hai,
NXB Giáo dục - 2008, tr.151-152)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0,5 điểm). Những nhân vật nào xuất hiện trong đoạn trích trên?

Câu 2 (0,5 điểm). Dựa vào phần lược dẫn và đoạn trích, hãy cho biết ai là người đã làm cho Trương Ba sống lại?

Câu 3 (0,5 điểm): Trương Ba đã có mong muốn gì trong cuộc đối thoại với Đế Thích?

Câu 4 (1,0 điểm). Anh/chị hãy lí giải vì sao Trương Ba lại có quyết định “*Tôi không nhập vào hình thù ai nữa! Tôi đã chết rồi, hãy để tôi chết hẳn!*”?

Câu 5 (1,0 điểm). Phân tích quan niệm sống của Trương Ba và Đế Thích trong đoạn trích trên?

Câu 6 (1,0 điểm). Anh/chị có đồng tính với quan niệm của Đế Thích “*phải sống, dù với bất cứ giá nào...*” không? Vì sao?

Câu 7 (0,5 điểm). Nếu là Trương Ba, anh/chị có lựa chọn như ông hay không?

Câu 8 (0,5 điểm). Anh/chị rút ra được bài học gì qua cuộc đối thoại giữa Trương Ba và Đế Thích?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: Con người cần được sống là chính mình trọn vẹn.

Đề 6:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

*Phải đâu mẹ của riêng anh
Mẹ là mẹ của chúng mình đầy thôi
Mẹ tuy không đẻ không nuôi
Mà em ơn mẹ suốt đời chưa xong.
Ngày xưa má mẹ cũng hồng
Bên anh mẹ thức lo từng cơn đau
Bây giờ tóc mẹ trắng phau
Để cho mái tóc trên đầu anh đen.
Đâu con dốc nắng đường quen
Chợ xa gánh nặng mẹ lên mấy lần
Thương anh thương cả bước chân
Giống bàn chân mẹ tảo tần năm nao.
Lời ru mẹ hát thuở nào
Chuyện xưa mẹ kể lẫn vào thơ anh
Nào là hoa bưởi hoa chanh
Nào câu quan họ mái đình cây đa.
Xin đừng bắt chước câu ca
Đi về dối mẹ để mà yêu nhau
Mẹ không ghét bỏ em đâu
Yêu anh em đã là dâu trong nhà.
Em xin hát tiếp lời ca
Ru anh sau nỗi lo âu nhọc nhằn
Hát tình yêu của chúng mình
Nhỏ nhoi giữa một trời xanh khôn cùng.
Giữa ngàn hoa cỏ núi sông*

Giữa lòng thương mẹ mệnh mỏng không bờ

Chắt chiu từ những ngày xưa

Mẹ sinh anh để bây giờ cho em.

(*Mẹ của anh*, Xuân Quỳnh, in trong *Tự hát*, NXB Tác phẩm mới, 1984)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0,5 điểm). Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (0,5 điểm). Đối tượng được nhắc đến nhiều nhất trong bài thơ là ai?

Câu 3 (0,5 điểm). Chủ thể trữ tình trong bài thơ là ai?

Câu 4 (1,0 điểm). Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong các dòng thơ:

Ngày xưa má mẹ cũng hồng

Bên anh mẹ thức lo từng cơn đau

Bây giờ tóc mẹ trắng phau

Để cho mái tóc trên đầu anh đen.

Câu 5 (0,5 điểm). Chủ thể trữ tình bộc lộ tình cảm gì đối với người mẹ?

Câu 6 (1,0 điểm). Trình bày nhận xét của anh/chị về chủ thể trữ tình trong bài thơ trên?

Câu 7 (0,5). Anh/chị rút ra được bài học gì cho bản thân sau khi đọc bài thơ trên?

Câu 8 (1,0 điểm). Từ nội dung của bài thơ, anh/chị có suy nghĩ gì về công ơn của người mẹ? (viết khoảng 5 – 7 dòng).

II. VIẾT (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận phân tích về đẹp tâm hồn của nhân vật “em” trong bài thơ đã cho ở phần Đọc hiểu.

Hướng dẫn chấm:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		6,0
	1	Bài thơ trên được viết theo thể thơ lục bát.	0,5
	2	Đối tượng được nhắc đến nhiều nhất trong bài thơ là người mẹ.	0,5
	3	Chủ thể trữ tình trong bài thơ là “em” – người con dâu, tác giả.	0,5
	4	Tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai dòng thơ: <i>Ngày xưa má mẹ cũng hồng</i> <i>Bên anh mẹ thức lo từng cơn đau</i> <i>Bây giờ tóc mẹ trắng phau</i> <i>Để cho mái tóc trên đầu anh đen.</i> - Biện pháp tu từ: tương phản, đối lập (<i>ngày xưa – bây giờ, tóc mẹ trắng phau – mái tóc trên đầu anh đen</i>). - Tác dụng: + Tăng sức gợi hình, gợi cảm trong diễn đạt. + Làm nổi bật hình ảnh người mẹ với công lao, sự hi sinh to lớn cho con, cho gia đình.	1,0

		+ Cho thấy tấm lòng, suy nghĩ, trăn trở của người con dâu dành cho mẹ chồng; ngợi ca, biết ơn công lao của mẹ; nhắc nhở người chồng về lòng hiếu thảo trước sự hi sinh thầm lặng, to lớn của mẹ.	
	5	Chủ thể trữ tình bộc lộ tấm lòng biết ơn đối với người mẹ.	0,5
	6	Nhận xét về chủ thể trữ tình trong bài thơ trên: - Là một người tinh tế, sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời. - Là một người giàu tình cảm, biết trân trọng, nâng niu hạnh phúc đời thường...	1,0
	7	Học sinh được tự do rút ra bài học, miễn là tích cực và liên quan đến nội dung bài thơ. Tham khảo: - Cần biết ơn cha mẹ và những người có ơn với mình - Cần sống có lòng yêu thương...	0,5
	8	- Hình thức: trình bày trong khoảng từ 5-7 dòng. - Nội dung: Suy nghĩ về công ơn của mẹ. Gợi ý tham khảo: + Mẹ là người sinh thành ra ta, có công dưỡng dục ta nên người. + Mẹ là người hy sinh vô điều kiện để cho ta có cuộc sống tốt đẹp nhất + Mẹ là người luôn yêu thương, che chở, đón nhận ta khi ta vấp ngã hay phạm sai lầm trong cuộc đời...	1,0
II	VIẾT		4,0
	a.	Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học	0,25
	b.	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Phân tích vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật xưng “em” trong bài thơ.	0,5
	c.	Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng hợp lí. Sau đây là một số gợi ý: I. MỞ BÀI - Giới thiệu tác giả và tác phẩm: Xuân Quỳnh là nhà thơ có tâm hồn đa cảm, hồn hậu. Bà đã để lại cho đời nhiều thi phẩm đặc sắc, trong đó “Mẹ của anh” là một trong những bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ của bà.	2,5

	- Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá: Trong bài viết này, chúng ta sẽ cùng đi vào phân tích vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật “em”, cũng là hình ảnh của chính tác giả được thể hiện qua bài thơ. II. THÂN BÀI 1. Lời khẳng định tình cảm của nàng dâu đối với mẹ chồng (4 câu đầu) Ở bốn câu thơ này, nhân vật “em” đã đưa ra một lời khẳng định vô cùng dễ thương và đong đầy tình cảm: “Mẹ là mẹ của chúng mình”, của anh và của em, là của chung, dù mẹ không đẻ ra em nhưng “em ơn mẹ suốt đời không xong”. Lời khẳng định ấy cho thấy tấm lòng yêu thương, trân quý hết mực mà người con dâu dành cho mẹ chồng của mình. 2. Đồng cảm với những nỗi vất vả truân chuyên và ghi nhớ công ơn to lớn của mẹ (16 câu tiếp) - Ngày xưa mẹ cũng từng nhan sắc như bao người con gái khác, nhưng vì thức bên anh qua từng cơn đau nên giờ đây tóc mẹ đã bạc trắng. - Cuộc sống nhiều vất vả của mẹ cũng được tái hiện qua những hình ảnh quen thuộc: con đường dốc nắng, chợ xa gánh nặng. - Thời gian trôi qua, anh đã thành nhà thơ, bóng dáng của mẹ có trong thơ anh, trong sự trưởng thành của anh: nhờ những chuyện kể, những lời ru của mẹ mà anh mới có được cái tâm hồn tinh tế, cái chất liệu để sáng tạo nên những áng thơ hay. - Từ nghĩ về công lao to lớn của mẹ chồng, người con dâu thầm thì khuyên chồng: Đừng dối mẹ nhé anh. Dù là dối mẹ để yêu em. Lời khuyên là sự hi sinh của người con gái, một sự hy sinh cao đẹp. - Người con dâu cũng cảm nhận được tình cảm của mẹ chồng dành cho mình: “Mẹ không ghét bỏ em đâu”. 3. Từ tình cảm với mẹ, nghĩ về tình yêu của mình (8 câu cuối) - Người phụ nữ sẵn sàng san sẻ trách nhiệm với mẹ chồng, để “hát tiếp lời ca” mà mẹ năm xưa đã ru anh. Đó vừa là tấm lòng đối với mẹ, vừa là tình yêu đối với chồng. - Bài thơ khép lại với một câu thơ tuy giản dị nhưng lại nói lên được cái nguyên do đẹp đẽ của tấm lòng mà người con dâu dành cho mẹ chồng: Chắt chiu từ những ngày xưa/ Mẹ sinh anh để bây giờ cho em. Hai câu thơ ngắn gọn nhưng chứa chan tình cảm, lòng biết ơn sâu nặng, niềm hạnh phúc lớn lao của người phụ nữ. III. KẾT BÀI - Khẳng định khái quát những nét đặc sắc về chủ đề và nghệ thuật của bài thơ: Bằng thể thơ lục bát ngọt ngào với lời thơ mộc mạc, Xuân Quỳnh đã đem đến cho ta một khúc hát tâm tình đẹp đẽ và xúc	
--	---	--

	động về tình cảm của người con dâu đối với mẹ chồng, qua đó cho thấy được vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ. - Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức bài thơ: Bài thơ giúp ta biết sống tình cảm, biết ghi nhớ và đền đáp công ơn của những bậc sinh thành, với những người từng giúp đỡ mình.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, phù hợp với đặc trưng tiếp nhận văn học; cách diễn đạt sáng tạo bằng ngôn ngữ của riêng mình.	0,5
Tổng điểm		10,0